

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/7/2021.

“V/v: Ly hôn giữa chị Ánh và anh Trọng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Đỗ Thành Bình.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang. TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/2/2021. Về tranh chấp: *“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021, Quyết định hoãn phiên Tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh **Lê Kim T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn nội dung khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xác nhận nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T qua thời gian quen biết tìm hiểu thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/11/2016.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn, trong cách đối nhân xử thế của mỗi người, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc. Nay chị xét thấy mâu

thuần của vợ chồng tôi đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nhã U, sinh ngày 21/3/2017. Do từ khi sinh ra đến giờ cháu ở với chị, anh T không quan tâm, không nhìn mặt con, nên sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Kim T, sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập anh T đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên Hoà giải do Toà án tiến hành nhưng bị đơn anh T không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Do vụ án đã hai lần không tiến hành hoà giải được, vì bị đơn vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên tòa, lần thứ nhất mở vào ngày 12/7/2021 và phiên tòa mở lần thứ hai vào ngày hôm nay, mặc dù đã được Toà án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến bị đơn anh T đã vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy CNKH mang tên Nguyễn Thị Ngọc A - Lê Kim T (bản chính); 01 Giấy khai sinh mang tên Lê Nhã U (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Đoàn Thị N (bản sao); 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Thị Ngọc A (bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1997 và anh Lê Kim T, sinh năm 1992 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/11/2016; anh chị có 01 con chung Lê Nhã U, sinh ngày 21/3/2017. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị Ánh giao nộp trên và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã Đ và UBND thị trấn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Nguyễn Thị Ngọc A, có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Lê Kim T Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị A, và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/11/2016, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn, trong cách đối nhân xử thế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc, nên chị Ánh đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Đối với bị đơn anh Lê Kim T, sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập anh T đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên Hoà giải do Tòa án tiến hành nhưng bị đơn anh Trọng không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ánh và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được điều này cũng đã được thể hiện quan đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng có các nhận của UBND xã Đông và UBND thị trấn Kbang, nên HĐXX căn cứ quy định của Luật HN&GD năm 2014 để xử cho chị A và anh T được ly hôn với nhau.

[3] **Về con chung:** Chị A và anh T có 01 con chung tên Lê Nhã U, sinh ngày 21/3/2017. Sau khi ly hôn, chị A đề nghị giao con chung cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động vì từ khi sinh ra đến giờ cháu ở với chị, bản thân anh T không quan tâm tới; chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét các điều kiện, hoàn cảnh, khả năng của chị A và anh Trọng. HĐXX căn chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu U cho chị A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Uyên trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, do chị A không yêu cầu nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] **Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):** Chị A phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A, xử cho chị A được ly hôn với anh Lê Kim T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 21/3/2017 cho chị A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị A không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003651 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị A đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Văn Nguyên

